

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỤC NGẠN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28-12-2020

V/v: “Không công nhận vợ chồng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hiếu.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Ngọc Côn, Ông Giáp Văn Phẩm.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Diệp Văn Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa:*  
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 444/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2020/QĐXX-ST ngày 08 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phan Văn T, sinh năm 1971 (Có mặt)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn Bóm, xã Tân Quang, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Tại đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Phan Văn T trình bày:***

Anh và chị Nguyễn Thị D kết hôn với nhau vào ngày 28/11/1990 (âm lịch). Trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và thỏa thuận, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng không đi đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Sau ngày vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn Bóm, xã Tân Quang, huyện Lục Ngạn. Tình cảm ban đầu hòa thuận, hạnh phúc, nhưng chung sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng

quan điểm, thường xuyên xảy ra to tiếng với nhau, bất đồng về kinh tế và nuôi dạy các con. Vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ năm 2013 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, nguyện vọng của anh xin được ly hôn chị Nguyễn Thị D.

-Về con chung: Vợ chồng sinh được hai con chung là Phan Văn C – sinh 09/4/1993, cháu Phan Văn C – sinh ngày 11/02/1995. Sau khi ly hôn đối với hai con chung các cháu đã trưởng thành, có cuộc sống riêng tự lo cho bản thân mình được, chị không có yêu cầu đề nghị gì cũng không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

-Về tài sản, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

-Về án phí: Anh xin được chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

**\* *Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:***

Chị và anh Phan Văn T kết hôn với nhau vào ngày 28/11/1990 (âm lịch), trước khi cưới có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng không đi đăng ký kết hôn. Cưới xong vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn Bóm, xã Tân Quang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, nhưng chung sống đến năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong phát triển kinh tế và nuôi dạy các con. Vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ năm 2013 cho đến nay. Nay thấy vợ chồng không thể đoàn tụ được nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng anh T xin ly hôn tôi nhất trí, nhưng không đăng ký kết hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phan Văn C – sinh 09/4/1993, cháu Phan Văn C – sinh ngày 11/02/1995. Ly hôn các cháu đã trưởng thành, có cuộc sống riêng tôi không có yêu cầu đề nghị gì

- Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản công nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh Phan Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với chị Nguyễn Thị D nhưng không đăng ký kết hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về công chung, tài sản công nợ chung anh chị tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị D vẫn giữ nguyên ý kiến anh T xin ly hôn chị nhất trí, nhưng không đăng ký kết hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về công chung, tài sản công nợ chung anh chị tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận mối quan hệ giữa anh Phan Văn T và chị Nguyễn Thị D là vợ chồng.

- Về con chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản, công nợ chung, ruộng canh tác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Phan Văn T là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Anh Phan Văn T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh và chị Nguyễn Thị D được ly hôn, nhưng không đăng ký kết hôn. Bị đơn chị Nguyễn Thị D là người có địa chỉ cư trú tại thôn Bóm, xã Tân Quang, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Như vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn T và chị Nguyễn Thị D có làm lễ cưới theo phong tục địa phương từ năm 1990 trước sự chứng kiến của hai bên gia đình, bàn bè. Nhưng từ đó đến nay vợ chồng anh chị không đi đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Như vậy đây là hôn nhân không hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Thời điểm vợ chồng anh T, chị D xảy ra mâu thuẫn được xác định vào năm 2013, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có chung quan điểm trong việc phát triển kinh tế gia đình và nuôi dạy các con, dẫn đến thường xảy ra cãi vã, xô sát. Hiện nay anh T và chị D đã cắt đứt mọi quan hệ tình cảm với nhau được một thời gian dài. Xét thấy thời gian vợ chồng anh T, chị D sống ly thân đã lâu, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh Phan Văn T để xử không công nhận anh Phan Văn T và chị Nguyễn Thị D là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp.

[4] Về con chung: Anh Phan Văn T và chị Nguyễn Thị D sinh được hai người con chung là Phan Văn C – sinh năm 1993, cháu Phan Văn C – sinh năm 1995. Ly hôn anh T, chị D xác định các cháu đã trưởng thành có cuộc sống riêng nên không có yêu cầu đề nghị gì, do vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Anh Phan Văn T là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 14, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Phan Văn T và chị Nguyễn Thị D là vợ chồng.

2. Về con chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phan Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận anh T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0001673 ngày 05 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn. Anh Phan Văn T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- UBND xã Bình Sơn, huyện Lục Nam;
- Cổng thông tin điện tử TAND tối cao;
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Hiếu**